

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05/9/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Vĩnh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Anh Dũng**;

Ông **Lê Việt Hà**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 234/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988; CCCD số 045088008464; địa chỉ nơi cư trú: **Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị**.
Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Võ Thị L**, sinh năm 1991; CCCD số 045191002606; địa chỉ nơi cư trú: **Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, nay là xã C, tỉnh Quảng Trị**, vào ngày 16 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xung đột, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Hai bên đã sống ly thân hơn 03 năm nay.

Anh **H** cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung trên thực tế không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Võ Thị L**.

Về con chung: Anh **H** và chị **L** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Võ Thiên K**, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu **Nguyễn Võ Thiên K** do anh trực tiếp chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và quyết định các vấn đề liên quan đến học tập, sinh hoạt của cháu. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Nguyễn Võ Thiên K** sau khi ly hôn. Anh **H** không yêu cầu chị **Võ Thị L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị **Võ Thị L**: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **L** nhưng chị **L** không có mặt để tham gia giải quyết vụ án và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét tình trạng sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa anh **H** và chị **L** tại địa phương.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện Trưởng thôn **M, xã C, tỉnh Quảng Trị** xác nhận chị **Võ Thị L** thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về; anh **H** và chị **L** hiện không còn chung sống với nhau.

Ý kiến của cháu **Nguyễn Võ Thiên K** có nguyện vọng được ở với bố là anh **Nguyễn Văn H** khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; bảo đảm quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự theo các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Nguyễn Văn H** đối với chị **Võ Thị L**.

Giao cháu **Nguyễn Võ Thiên K**, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014, cho anh **Nguyễn Văn H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh **H** không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị ghi nhận.

Về tài sản chung: Anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị **L** không có ý kiến nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Anh **Nguyễn Văn H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh **Nguyễn Văn H** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị **Võ Thị L** và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn chị **Võ Thị Lệ cư T** tại **thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị**. Căn cứ Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng và việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị **Võ Thị L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về đánh giá chứng cứ và quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị, nay là xã C, tỉnh Quảng Trị, vào ngày 16 tháng 12 năm 2013, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2013, quyển số 01. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng, bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, anh **H** trình bày sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xung đột và đã sống ly thân hơn 03 năm.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện anh **H** và chị **L** hiện không còn chung sống với nhau; chị **L** thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị **L** không đến Tòa án làm việc và không gửi ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh **H**.

Những tài liệu, chứng cứ nêu trên phù hợp với trình bày của anh **H** ở nội dung vợ chồng đã không còn chung sống trên thực tế trong thời gian dài.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa anh **H** và chị **L** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh **Nguyễn Văn H** đối với chị **Võ Thị L** là có căn cứ để chấp nhận theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ, anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Võ Thiên K**, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014. Anh **H** yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **K** sau khi ly hôn. Anh **H** trình bày từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu **K** vẫn do anh trực tiếp chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và quyết định những vấn đề liên quan đến học tập, sinh hoạt của cháu. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu **Nguyễn Võ Thiên K** và cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh **Nguyễn Văn H** khi bố mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **Võ Thị L** không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của anh **H**.

Căn cứ tình trạng thực tế cháu đang được anh **H** trực tiếp chăm sóc theo lời trình bày của nguyên đơn; nguyện vọng của cháu **K** muốn tiếp tục ở với bố; chị **L** không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của anh **H**, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu **Nguyễn Võ Thiên K** cho anh **Nguyễn Văn H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu và bảo đảm sự ổn định trong việc chăm sóc cháu. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh **Nguyễn Văn H** về việc trực tiếp nuôi con theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau khi ly hôn: Anh **Nguyễn Văn H** không yêu cầu chị **Võ Thị L** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc buộc chị **L** cấp dưỡng trong vụ án này. Quyền yêu cầu cấp dưỡng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con được thực hiện theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Chị **Võ Thị L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; đồng thời phải tôn trọng quyền của con được sống cùng người trực tiếp nuôi. Anh **Nguyễn Văn H** và các thành viên gia đình không được cản trở chị **Võ Thị L** thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con.

[6] Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Văn H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Chị **Võ Thị L** không có ý kiến và không có yêu cầu đối với vấn đề tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị về việc giải quyết quan hệ hôn nhân, việc nuôi con, cấp dưỡng, tài sản chung và án phí phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn nên nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H** phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản

4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Văn H.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Văn H** được ly hôn với chị **Võ Thị Lệ**. Quan hệ hôn nhân giữa anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Võ Thiên K**, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2014, cho anh **Nguyễn Văn H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh **Nguyễn Văn H** không yêu cầu chị **Võ Thị L** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Chị **Võ Thị L** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và phải tôn trọng quyền của con được sống cùng người trực tiếp nuôi.

Anh **Nguyễn Văn H** không được cản trở chị **Võ Thị L** thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con.

Khi cần thiết, việc cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh **H** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003300 ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh **Nguyễn Văn H** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh **Nguyễn Văn H** và chị **Võ Thị L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV8 - Quảng Trị;
- Phòng THADS KV8 - Quảng Trị;
- UBND xã Cửa Việt;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Vĩnh

